

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 249/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-12-2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nghĩa

2. Ông Nguyễn Bền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Song - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 561/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Huỳnh Thị Thế T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp CH, xã TCN, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

***Bị đơn:** Nguyễn Trí Đ, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp CH, xã TCN, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 25/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thế T trình bày: chị và anh Nguyễn Trí Đ có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành vào năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Đ không quan tâm đến chị, thường xuyên nhậu nhẹt chị không khuyên được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020. Nay

vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về con chung: có 02 con tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 24/10/2003 đã thành niên và Nguyễn Huỳnh Tuấn M, sinh ngày 17/11/2020. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu M, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 13/12/2024, bị đơn anh Nguyễn Trí Đ trình bày: anh đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị Thê T. Có 02 con chung như chị T trình bày, do Nguyễn Huỳnh Tuấn M còn nhỏ nên để chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung không tranh chấp.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đ, con Nguyễn Huỳnh N đã thành niên chị không yêu cầu, chị yêu cầu được nuôi con Nguyễn Huỳnh Tuấn M, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn với anh Đ, giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Trí Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Huỳnh Thị Thê T và anh Nguyễn Trí Đ tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2003 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ không quan tâm đến vợ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, anh chị phát sinh mâu thuẫn đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được, anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản khai ngày 13/12/2024 anh cũng đồng ý ly hôn với chị T do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Có 02 con chung gồm Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 24/10/2003 đã thành niên và Nguyễn Huỳnh Tuấn M, sinh ngày 17/11/2020.

Cháu Nhi đã thành niên anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu M, xét cháu M hiện đang sống với chị T, anh Đ cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng, do đó, để bảo đảm ổn định cuộc sống của cháu M cần để chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thế T.

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thế T được ly hôn với anh Nguyễn Trí Đ.

Về con chung: Giao con Nguyễn Huỳnh Tuấn M, sinh ngày 17/11/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0011795 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị T đã nộp xong án phí.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thân Cửu Nghĩa, CT,TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà